THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Thể dục thể thao là tổ chức trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thể dục, thể thao trong phạm vi cả nước, quản lý các dịch vụ công về thể dục thể thao theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Thể dục thể thao có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Các dự án luật, pháp lệnh, các dự thảo nghị quyết của Quốc hội, của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ về thể dục, thể thao và các dự án, đề án khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Chiến lược, quy hoạch tổng thể, chương trình quốc gia phát triển thể dục, thể thao và các dự án, công trình quan trọng quốc gia về thể dục, thể thao; các dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thể dục, thể thao;

c) Việc đàm phán, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về thể dục, thể thao;

d) Tổ chức đại hội thể dục, thể thao toàn quốc, các đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, ban hành:

a) Kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm phát triển thể dục, thể thao và các đề án, dự án về thể dục, thể thao;

b) Các thông tư, quyết định, chỉ thị về quản lý hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể thao cho người khuyết tật, thể thao giải trí, thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp và các hoạt động khác trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

c) Quyết định tổ chức các giải vô địch từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tại Việt Nam; điều lệ khung đại hội thể dục thể thao toàn quốc;

d) Định mức, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các công trình thể dục, thể thao, trang thiết bị tập luyện, thi đấu của các cơ sở thể dục, thể thao và của các môn thể thao;

đ) Kế hoạch phối hợp hoạt động giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở Trung ương trong việc thực hiện các nhiệm vụ về thể dục, thể thao;

e) Các chủ trương, biện pháp quản lý hoạt động dịch vụ công về thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật; tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập về thể dục thể thao.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các dự án, đề án về thể dục, thể thao.

4. Về hợp tác quốc tế:

Tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế về thể dục, thể thao; các chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao; thực hiện hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật.

5. Về thể dục, thể thao cho mọi người:

a) Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao; hướng dẫn các phương pháp tập luyện thể dục, thể thao cho nhân dân phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, sức khỏe và tình trạng khuyết tật;

b) Hướng dẫn các ngành, địa phương đào tạo, xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao; phối hợp tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở;

c) Chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương khai thác, phổ biến các môn thể thao dân tộc, các phương pháp rèn luyện sức khỏe truyền thống ở trong và ngoài nước;

d) Chỉ đạo, tổ chức thi đấu thể thao quần chúng ở cấp quốc gia;

đ) Hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, đánh giá sự phát triển của phong trào thể dục, thể thao quần chúng;

e) Hướng dẫn việc đăng ký hoạt động của các câu lạc bộ, cơ sở thể dục, thể thao quần chúng và câu lạc bộ cổ động viên.

6. Về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường:

Giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục thể chất trong trường học;

b) Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thân thể và đánh giá kết quả rèn luyện thân thể của người học;

c) Đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao;

d) Quy định hệ thống thi đấu thể thao trường học.

7. Về thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang:

a) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tổ chức hoạt động thể thao quốc phòng trong nhân dân;

b) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên, quy định các giải thể thao trong lực lượng vũ trang.

8. Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

b) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đại hội thể thao, giải vô địch từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam, đại hội thể dục, thể thao toàn quốc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục phong đẳng cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về trình tự, thủ tục thành lập đoàn thể thao quốc gia và đội thể thao quốc gia từng môn;

đ) Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

e) Hướng dẫn việc đăng ký hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp;

g) Ban hành luật thi đấu của các môn thể thao; điều lệ thi đấu từng môn của đại hội thể dục thể thao toàn quốc.

9. Tổ chức, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và y học trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

10. Giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư thuộc Tổng cục Thể dục thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện công tác thống kê chuyên ngành thể dục, thể thao; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thể dục, thể thao; tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, quảng bá hoạt động thể dục thể thao theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

14. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, phối hợp thanh tra, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Thể dục thể thao; quyết định luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và những người làm công tác thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Thể dục thể thao quần chúng.

2. Vụ Thể thao thành tích cao I.

3. Vụ Thể thao thành tích cao II.

4. Vụ Hợp tác quốc tế.

5. Vụ Kế hoạch, Tài chính.

6. Vụ Tổ chức cán bộ.

7. Văn phòng.

8. Viện Khoa học Thể dục thể thao.

9. Tạp chí Thể thao.

10. Báo Thể thao Việt Nam.

11. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội.

12. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

13. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Đà Nẵng.

14. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Cần Thơ.

15. Trung tâm Doping và Y học thể thao.

16. Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao.

17. Trung tâm Thể thao Ba Đình.

18. Bệnh viện Thể thao Việt Nam.

Các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều này là các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ khoản 8 đến khoản 18 Điều này là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục Thể dục thể thao

1. Tổng cục Thể dục thể thao có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Thể dục thể thao. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2014 và thay thế Quyết định số 66/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng